

Vận tải hành khách và hàng hóa của địa phương

	Ước tính tháng 7 năm 2021	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7 năm 2021	Tháng 7 năm 2021 so với tháng 6 năm 2021 (%)	Tháng 7 năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7 năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (%)
A. HÀNH KHÁCH					
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	67,72	7.644,86	19,10	5,33	106,96
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	67,72	7.644,86	19,10	5,33	106,96
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn lượt HK.km)	8.304,95	900.852,18	18,63	5,85	108,31
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	8.304,95	900.852,18	18,63	5,85	108,31
Hàng không	-	-	-	-	-
B. HÀNG HÓA					
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	146,45	1.890,46	50,06	50,94	102,69
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	146,45	1.890,46	50,06	50,94	102,69
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)	10.071,30	129.798,66	50,54	51,39	102,92
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	10.071,30	129.798,66	50,54	51,39	102,92
Hàng không	-	-	-	-	-